

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 11 thông qua ngày 29/11/2005.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn.
- Quyết định số 1331/QĐ-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty B.O.T Cần Đơn thuộc Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn.
- Quyết định số 256/QĐ-BXD ngày 21 tháng 02 năm 2006 của bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm bàn giao từ doanh nghiệp nhà nước: Công ty B.O.T Cần Đơn- Tổng Công ty Sông Đà sang công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn.
- Biên bản kiểm phiếu các nội dung biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thống nhất thông qua Nghị quyết với các nội dung sau :

- 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009 và phương hướng nhiệm vụ năm 2010, bằng 23.362.117 cổ phiếu biểu quyết đạt tỷ lệ: 100%, với nội dung sau :**

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2009.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	%TH/KH
1	Sản lượng (kWh)	330.000.000	439.265.700	133%
2	Doanh thu	231.317	281.640	122%
3	Lợi nhuận trước thuế	65.000	111.645	172%
4	Nộp ngân sách Nhà nước	28.444	36.691	129%
5	Thu nhập bq/CBCNV/tháng	6,2	7,5	121%

1.2 Một số chỉ tiêu tài chính.

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm trước	Năm nay
1	Tổng tài sản	1.140.169.619.060	1.065.034.073.927
2	Nợ ngắn hạn	253.025.689.613	279.502.840.307
3	Nợ dài hạn	515.264.320.817	328.773.427.407
4	Vốn chủ sở hữu	370.910.783.236	455.420.748.641
A	Vốn điều lệ	298.996.290.000	298.996.290.000
B	Quỹ đầu tư phát triển	29.467.946.750	36.524.779.590
C	Quỹ dự phòng tài chính	7.009.854.794	8.427.322.462
D	L.nhuận sau thuế chưa phân phối	35.436.691.692	111.472.356.589
5	Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	9,55%	24,48%
6	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	14,74%	39,63%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.257	3.733

1.3 Phương hướng nhiệm vụ năm 2010:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch
A	KẾ HOẠCH SXKD		
I	Tổng giá trị SXKD	10⁶đ	265.225
1	Giá trị SXKD công nghiệp	10 ⁶ đ	264.825
2	Giá trị kinh doanh khác	10 ⁶ đ	400
II	Kế hoạch tài chính		
1	Doanh thu	10 ⁶ đ	241.150
2	Nộp ngân sách Nhà nước	10 ⁶ đ	39.769
3	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	82.000
4	Tỷ suất lợi nhuận		
-	Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu	%	34
-	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ	%	27
5	Dự kiến tỷ lệ cổ tức	%	15
III	Thu nhập bq/CBCNV/tháng	10³đ	7.800
IV	KH đào tạo và tuyển dụng nhân lực	Người	145
V	Kế hoạch an toàn bảo hộ lao động	10⁶đ	406
B	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ	10⁶đ	3.120
1	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị	10 ⁶ đ	3.120
C	CHỈ TIÊU KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU		
1	Sản xuất điện thương phẩm	Triệu Kwh	350

*** Về đầu tư mở rộng SXKD:**

Đại hội đồng cổ đông chấp thuận giao cho HĐQT công ty:

- Tiếp tục đề nghị TCT Sông Đà cho tham gia góp vốn vào các dự án mà TCT đầu tư.
- Tìm kiếm và tham gia liên doanh liên kết với một số đơn vị trong và ngoài TCT Sông Đà để đầu tư vào các dự án khác có hiệu quả.
- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất của nhà máy và đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Đầu tư nâng cao năng lực công tác sửa chữa để có thể nhận thầu sửa chữa các nhà máy thủy điện khác trong và ngoài nước.

Đại hội nhất trí giao cho HĐQT công ty tính toán quyết định các dự án đầu tư và phương án góp vốn, huy động nguồn vốn đầu tư, đảm bảo đúng thủ tục quy định của Pháp luật về đầu tư, phù hợp với tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo kết quả tại phiên Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

2. Thông qua báo cáo công khai tài chính ; phương án phân phối lợi nhuận năm 2009 và tăng vốn điều lệ bằng 23.362.117 cổ phiếu biểu quyết đạt tỷ lệ: 100%, với nội dung sau:

2.1 Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2009:

1) Lợi nhuận trước thuế:	111.645.557.680 đồng
2) Thuế TNDN được miễn:	22.311.110.757 đồng
3) Thuế TNDN phải nộp:	25.201.091 đồng
4) Lợi nhuận sau thuế:	89.309.245.832 đồng
5) Phương án phân phối lợi nhuận:	
• Trích Quỹ dự phòng tài chính (5%):	4.458.062.292 đồng
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5,5%):	4.903.868.521 đồng
• Trích lập Quỹ đầu tư phát triển::	22.311.110.757 đồng
<u>Trong đó:</u>	
- Thuế TNDN được miễn nhập quỹ:	22.311.110.757 đồng
• Chi ủng hộ phúc lợi, xã hội:	148.000.000 đồng
• Chia cổ tức (20%/VĐL):	59.799.258.000 đồng
• Lợi nhuận để lại chưa phân phối:	20.000.057.020 đồng
6. Hình thức chi trả cổ tức:	Chi trả bằng cổ phiếu.

2.2 Phương án tăng vốn điều lệ:

a. Vốn điều lệ hiện tại:	298.996.290.000 đồng.
- Tổng công ty Sông Đà:	152.488.107.900 đồng, tương đương 51%
- Các cổ đông khác:	146.508.182.100 đồng, tương đương 49%
b. Vốn điều lệ tăng thêm :	59.799.258.000 đồng.
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (20%/VĐL) tăng vốn điều lệ:	59.799.258.000 đồng
c. Vốn điều lệ sau khi tăng :	358.795.548.000 đồng
- Tổng công ty Sông Đà:	182.985.729.480 đồng, tương đương 51%
- Các cổ đông khác:	175.809.818.520 đồng, tương đương 49%
d. Nguồn tăng vốn:	

- Lấy từ Lợi nhuận chưa phân phối.

2.3 Phương thức phân phối vốn Điều lệ tăng thêm (59,8 tỷ đồng):

- Đối tượng được hưởng: Toàn bộ các cổ đông hiện hữu của Công ty có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách hưởng quyền.
- Tỷ lệ phân phối: Phân phối cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:2, nghĩa là cổ đông sở hữu 10 cổ phần thì được cộng thêm 2 cổ phần.
- Trường hợp cổ đông sở hữu số lượng cổ phần nhỏ hơn 10 thì sẽ không phân bổ.

2.4 Tiến độ hoàn thành thủ tục tăng vốn điều lệ:

Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT, TGD Công ty thuê đơn vị Tư vấn xây dựng phương án tăng vốn điều lệ trình các cơ quan có thẩm quyền và đăng ký giao dịch trong Quý II/2010.

3. Thông qua phương án trả thù lao HĐQT, BKS, bằng 23.362.117 cổ phiếu biểu quyết đạt tỷ lệ: 100%, với nội dung sau:

- 3.1 Đại hội nhất trí thông qua mức thù lao đã trả cho HĐQT, BKS năm 2009 theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
- 3.2 Thù lao của HĐQT, BKS Công ty năm 2010.
Đại hội nhất trí thông qua phương án trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2010 như sau:

TT	Mức lợi nhuận	Mức thù lao (Đồng/tháng)	Ghi chú
I	Lợi nhuận >3% doanh thu		
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	12.000.000	
2	Ủy viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát	10.000.000	
3	Thành viên Ban kiểm soát	6.000.000	
II	Lợi nhuận từ 1:- 3% doanh thu		
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	10.000.000	
2	Ủy viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát	8.000.000	
3	Thành viên Ban kiểm soát	5.000.000	
III	Lợi nhuận từ 0:- 1% doanh thu		
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	8.000.000	
2	Ủy viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát	6.000.000	
3	Thành viên Ban kiểm soát	4.000.000	
IV	Lợi nhuận âm		
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	6.000.000	
2	Ủy viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát	5.000.000	
3	Thành viên Ban kiểm soát	3.000.000	

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt quy chế trả thù lao đảm bảo đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty.

4./ Thông qua chính sách khen thưởng, bằng 23.362.117 cổ phiếu biểu quyết đạt tỷ lệ: 100%, với nội dung sau:

Theo sản lượng điện thiết kế trung bình hàng năm của Nhà máy và tính chất đặc thù đối với nhà máy thủy điện, để động viên, khích lệ các cán bộ quản lý điều hành và CBCNV trong Công ty phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra; Nếu sản lượng điện thương phẩm của Nhà máy trong năm 2010 đạt được từ 292 triệu Kwh (sản lượng điện thiết kế) trở lên. Đại hội nhất trí ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án thưởng vượt sản lượng điện thiết kế cho thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc điều hành và tập thể CBCNV Công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc Công ty, theo các quy định hiện hành của Nhà nước, nhưng không vượt nguồn quỹ khen thưởng của Công ty.

5. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính, bằng 23.362.117 cổ phiếu biểu quyết đạt tỷ lệ: 100%, với nội dung sau:

Đại hội nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty.

Nghị quyết này đã được đọc thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, với số phiếu biểu quyết 23.362.117 cổ phiếu đạt tỷ lệ 100%.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

CHỦ TOẠ

BÙI XUÂN NINH

PHẠM KHẮC TẬP